CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Du lịch Trường Sơn COECCO

Ngày 31/12/2024	4,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	2.1%	**2.1%**	**4.3%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	2,700 - 9,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6
Số lượng CPLH (CP)	1,274,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	22,650
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.14
EPS	
P/E	

DT thuần
Q4/24
tỷ VNĐ

LN thuần
Q4/24
tỷ VNĐ

LN sau thuế
Q4/24
tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT
2024
6.8%
YoY: +/-▲ 3.8%

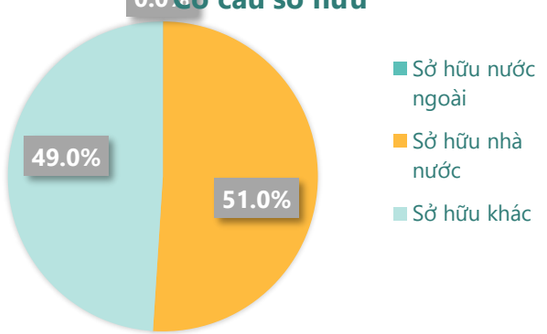
ROE
2024
125%
YoY: +/-▼ 171%

DT thuần
2024
34.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.50| 4.5%

LN thuần
2024
2.30
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.31| 133%

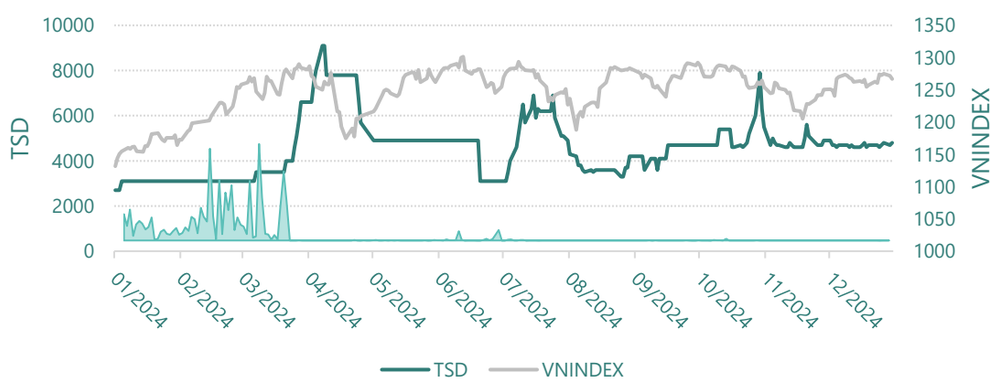
LN sau thuế
2024
2.30
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.35| 142%

Cơ cấu sở hữu

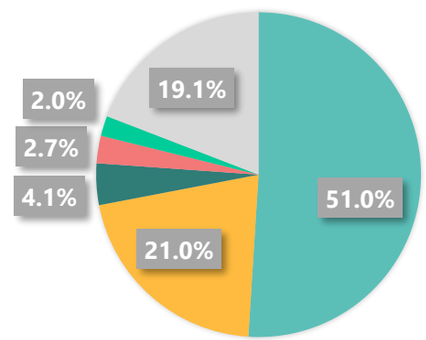


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

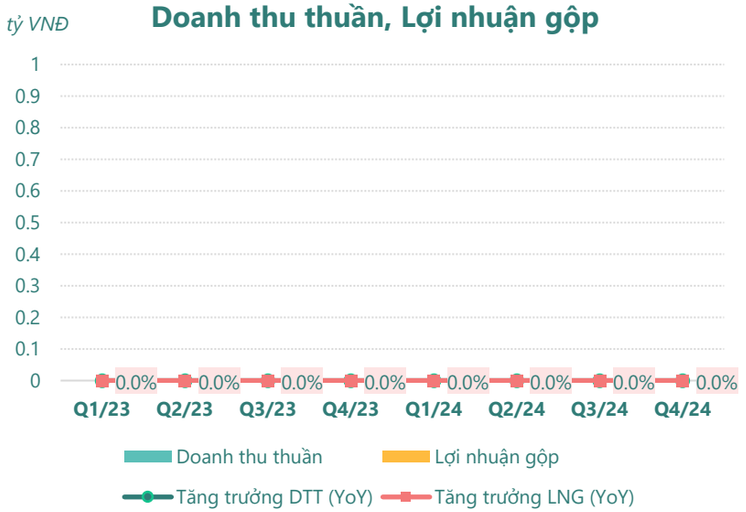


- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế
- Cao Thị Thu Thủy
- Cao Như Kỷ
- Nguyễn Mạnh Hải
- CTCP Du lịch Trường Sơn COECCO
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

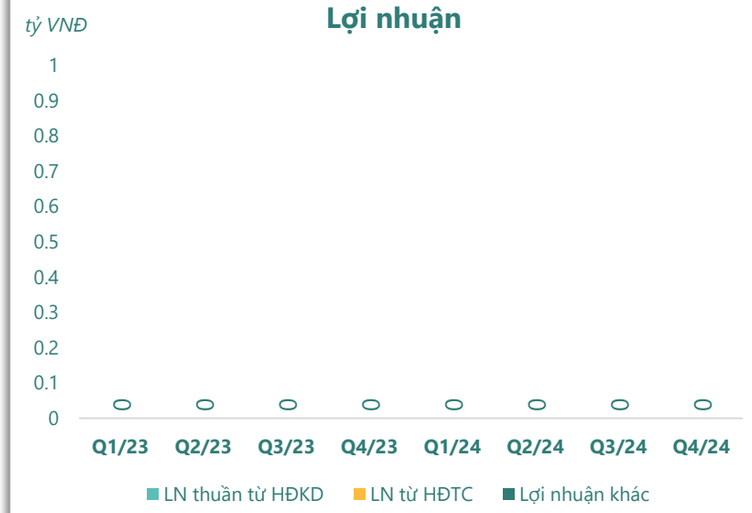
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



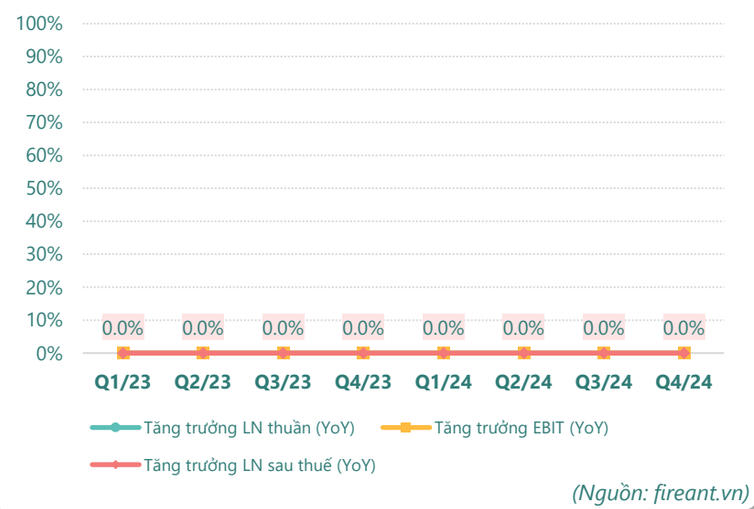
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



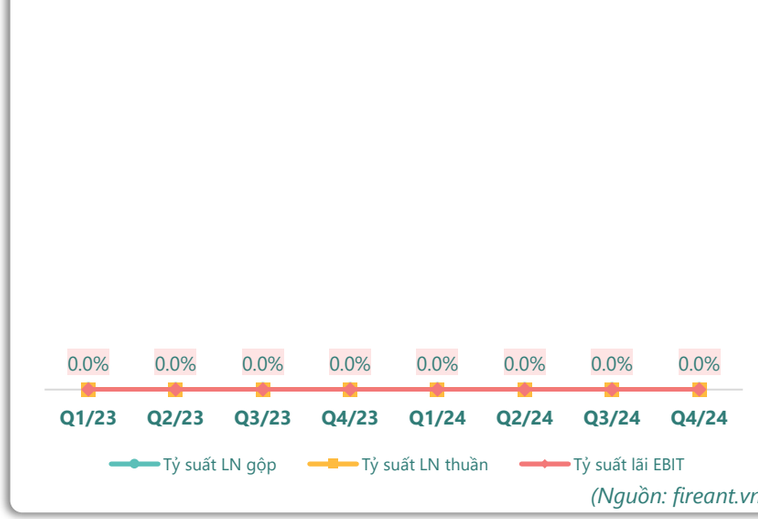
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



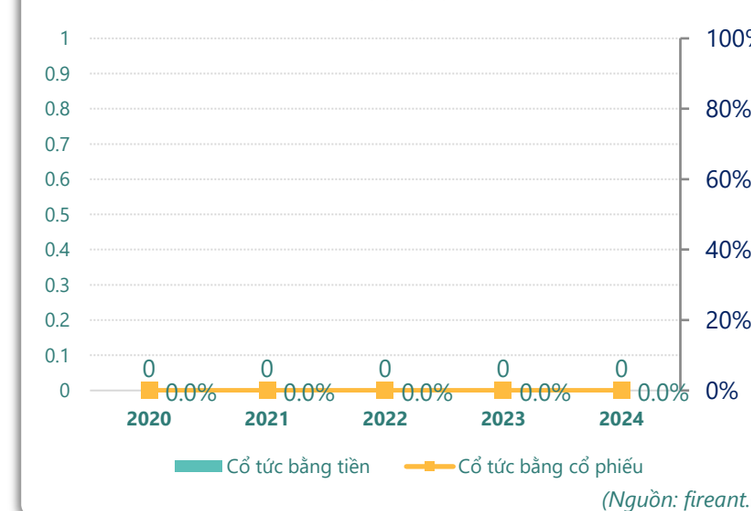
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

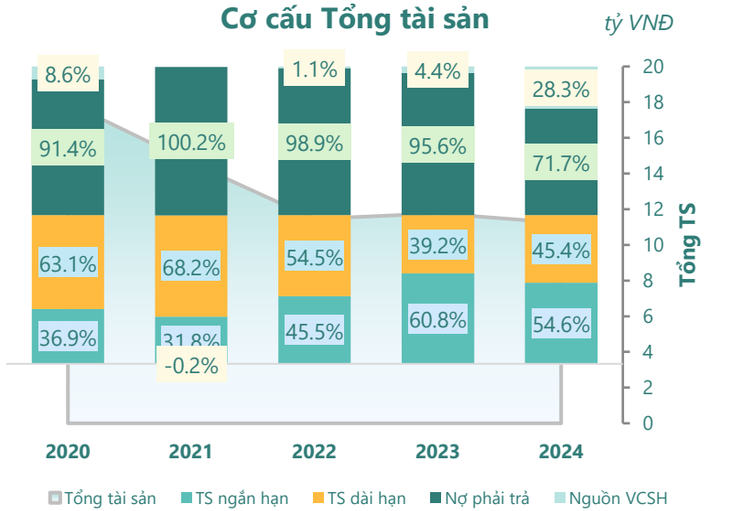
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

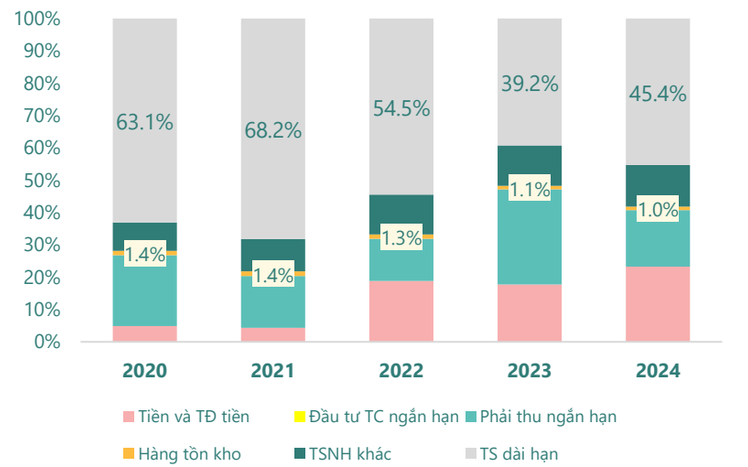
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



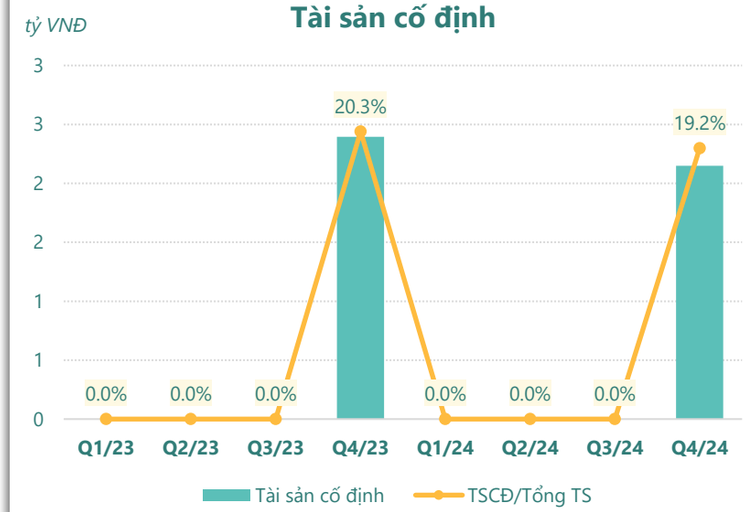
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



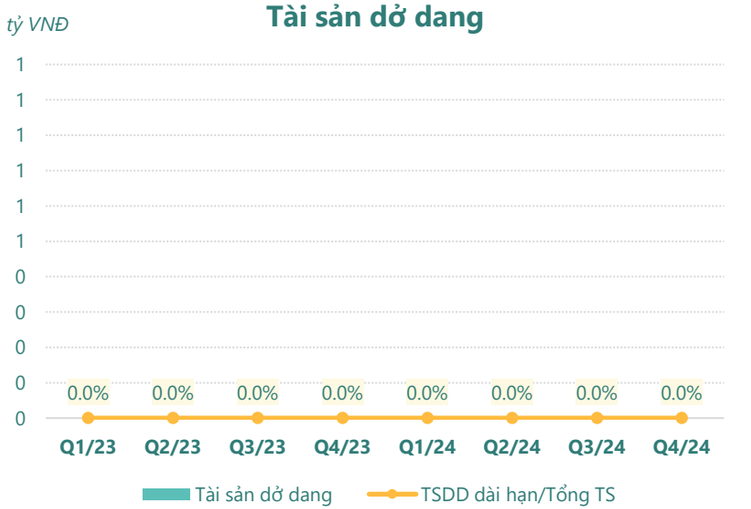
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



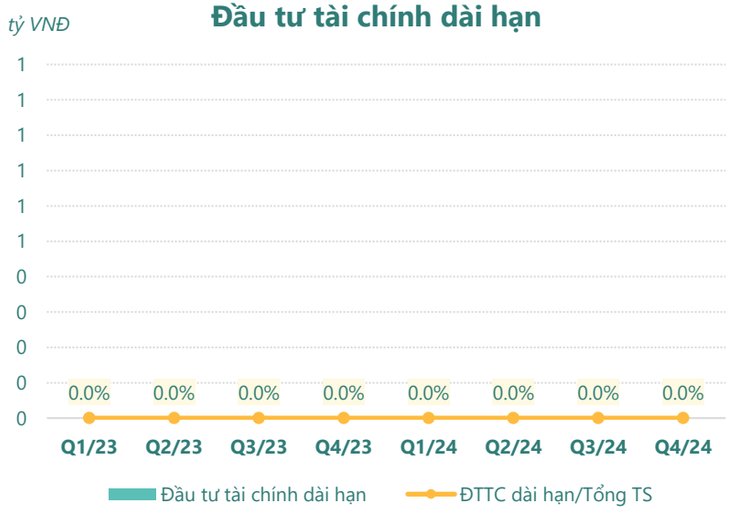
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



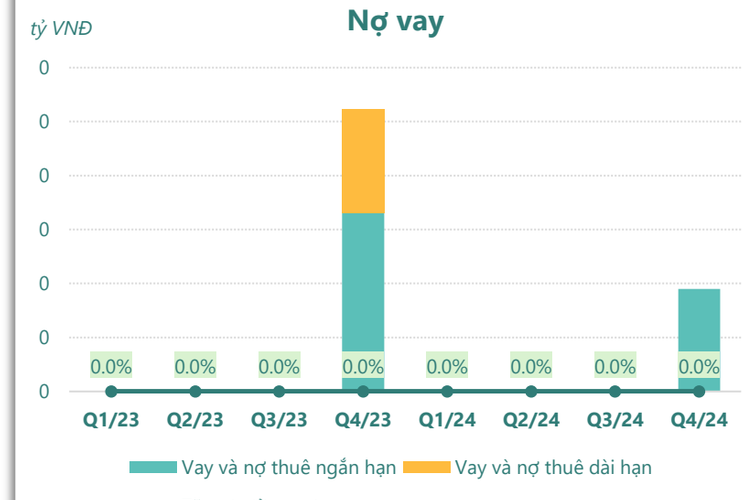
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

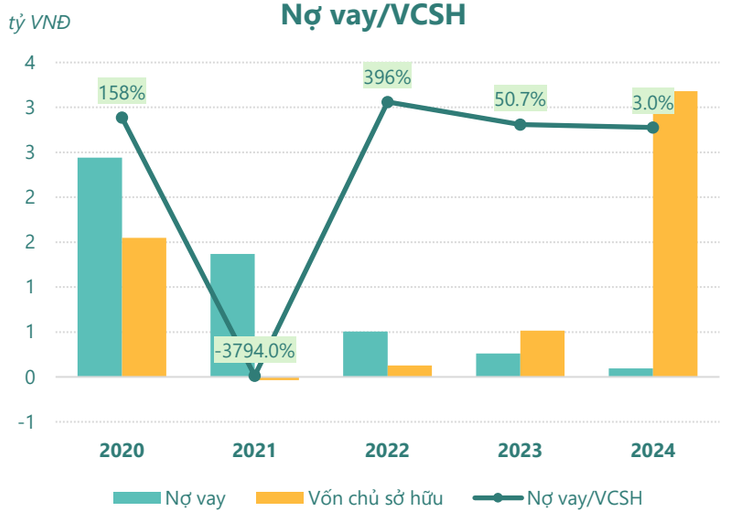
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

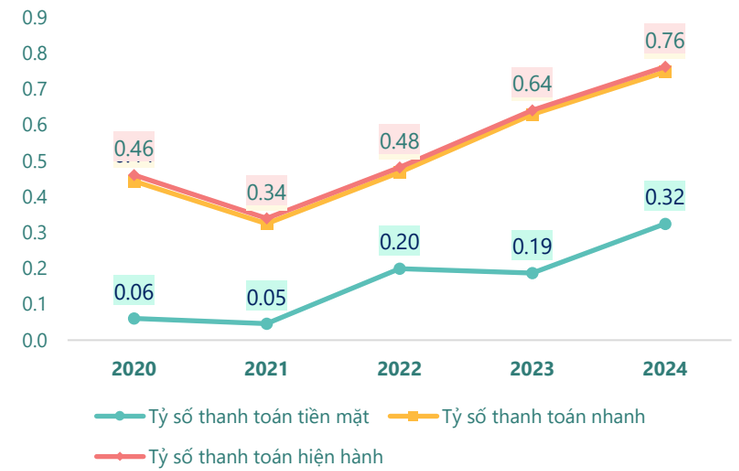
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



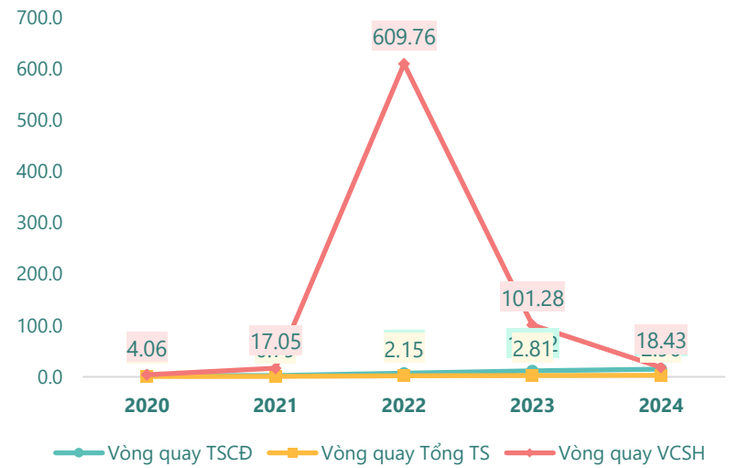
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



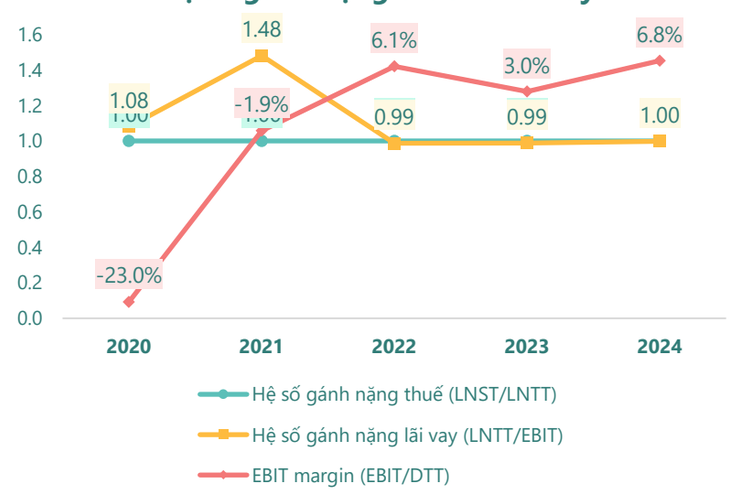
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



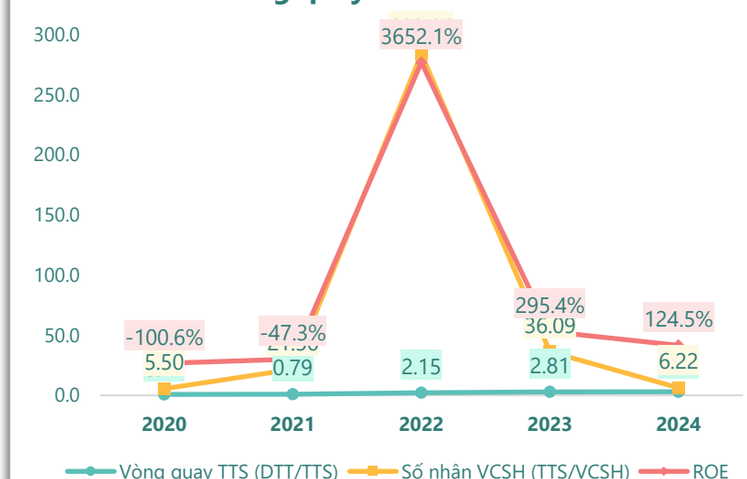
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



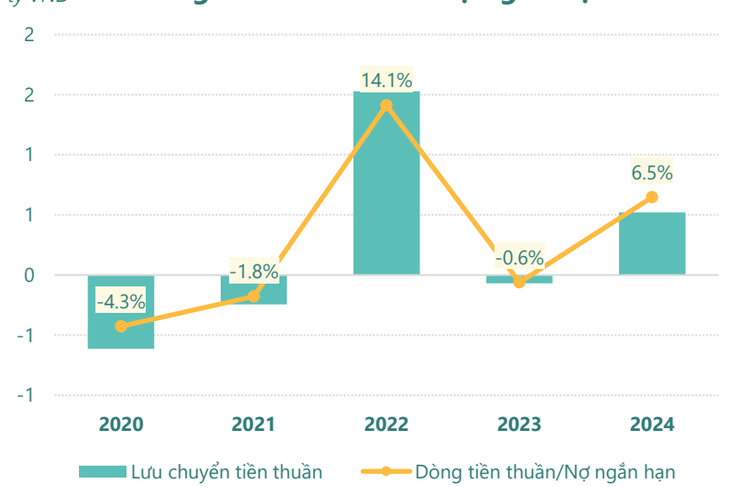
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần				**34.1**	**32.6**	**4.5%**
Giá vốn hàng bán				29.0	29.6	-2.0%
Lợi nhuận gộp				5.12	3.04	68.2%
Doanh thu HĐTC				0.00	0.00	49.2%
Chi phí TC				0.42	0.08	412%
Chi phí lãi vay				0.01	0.01	-55.4%
LN trong công ty LKLD				**0**	**0**	
Chi phí bán hàng				0	0	
Chi phí QLDN				**2.40**	**1.97**	**21.5%**
LN thuần từ HĐKD				2.30	0.99	133%
Lợi nhuận khác				**0.00**	**-0.04**	**100%**
LN trước thuế				2.30	0.95	142%
Lợi nhuận sau thuế				**2.30**	**0.95**	**142%**
LNST của CĐ cty mẹ				**2.30**	**0.95**	**142%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền thuần	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**11.2**	**11.8**	**-4.7%**
Tài sản ngắn hạn	6.13	7.16	-14.3%
Tiền và tương đương tiền	2.61	2.09	24.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	1.97	3.47	-43.3%
Hàng tồn kho	0.11	0.13	-9.8%
Tài sản ngắn hạn khác	1.44	1.47	-2.1%
Tài sản dài hạn	**5.09**	**4.62**	**10.2%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	2.15	2.39	-10.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**2.94**	**2.22**	**32.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	8.04	11.3	-28.6%
Nợ ngắn hạn	**8.04**	**11.2**	**-28.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.10	0.17	-42.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	6.30	9.47	-33.5%
Nợ dài hạn	0	0.10	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0.10	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3.18**	**0.52**	**517%**
Vốn chủ sở hữu	**3.18**	**0.52**	**517%**
Vốn điều lệ	13.0	13.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)